

Bản án số: 15 /2023/HS-ST

Ngày 11 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Ngải, bà Nguyễn Thị Tâm, bà Trịnh Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Lương Đức T, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1997 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Xóm 3, xã T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn C và bà Tạ Thị A; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Đức T: Ông Lê Quý Thành và bà Trần Thị Kim Oanh - Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Hà Ngân, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang; đều có mặt.

Địa chỉ: Số 52, tổ 12, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị hại:

1. Chị Bùi Thị H2, sinh năm 1984; vắng mặt có lý do;

Nơi cư trú: Tổ 13, phường An Tường, Tp: Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Anh Nguyễn Gia H, sinh năm 1994; có mặt;

Nơi cư trú: Tổ 6, phường Phan Thiết, Tp: Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Hoàng Minh H1, sinh năm 1982; vắng mặt có lý do;

Nơi cư trú: Thôn 7, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

4. Anh Hoàng Ngọc M, sinh năm 1986; có mặt;

Nơi cư trú: Tổ 12, phường An Tường, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lương Văn C, sinh năm 1974; có mặt;

Nơi cư trú: Xóm 3, xã T, Tp: Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 03 đến ngày 17/5/2022, Lương Đức T (sinh năm 1997, trú tại xóm 3, xã T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật để lừa thuê 04 chiếc xe ô tô của 04 người hoạt động dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, sau đó đem xe ô tô cùng giấy tờ xe đến Cửa hàng kinh doanh mua bán trao đổi ô tô, xe máy cũ, mới, cho thuê xe tự lái Hoàng Phúc (Cửa hàng Hoàng Phúc), có địa chỉ tại tổ 10, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, do ông Hoàng Văn Hùng là chủ hộ kinh doanh, để cầm cố vay tiền chi tiêu cho cá nhân, với mức lãi suất là 2.700 đồng/1.000.000 đồng/ngày (khi cầm cố 04 chiếc xe ô tô trên T đều viết giấy bán xe cho Cửa hàng Hoàng Phúc). Đến khi hết thời hạn thuê xe ô tô, T đều trốn tránh, không trả xe cho những người cho thuê xe, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 03/5/2022, do có quen biết nhau từ trước, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Gia H (trú tại tổ 6, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang) và nói dối với anh H là mình đang cần thuê một chiếc xe ô tô tự lái để đi giải quyết công việc gia đình; anh H đã đồng ý cho T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS E, biển kiểm soát 22A - 026.82 và thỏa thuận giá thuê xe là 800.000 đồng/ngày, thời gian thuê là 03 ngày (hai bên không lập hợp đồng thuê xe).

Sau khi nhận chiếc xe ô tô trên cùng các giấy tờ xe, T đã đem đến Cửa hàng Hoàng Phúc, tại đây T gặp và trao đổi, thỏa thuận với một người đàn ông không rõ họ tên để cầm cố xe ô tô cùng giấy tờ xe vay 100.000.000 đồng, với lãi suất 2.700 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Người đàn ông này yêu cầu T viết giấy vay tiền, giấy bán chiếc xe ô tô trên với giá 350.000.000 đồng và thu trước tiền lãi vay của 30 ngày là 8.100.000 đồng, còn giao cho T 91.900.000 đồng. Sau đó, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Đến thời hạn trả xe ô tô, anh H đã nhiều lần gọi điện thoại cho T, nhưng T viện ra nhiều lý do, trốn tránh không giao trả xe. Khi biết T thuê xe ô tô của mình đem đi cầm cố, ngày 24/5/2022 anh H đã đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tố giác hành vi vi phạm của T.

- Lần thứ hai: Ngày 10/5/2022, T vào mạng xã hội Facebook tìm kiếm người cho thuê xe ô tô tự lái trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và thấy có anh Hoàng Minh H1 (trú tại thôn 7, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn) đăng tin cho thuê xe ô tô tự lái. Chiều cùng ngày, T trực tiếp đến gặp anh H1 và nói dối cần thuê một chiếc xe ô tô tự lái đi giải quyết công việc ở các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang. Anh H1 đồng ý cho T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX8, biển kiểm soát 22A - 159.74 và thỏa thuận giá thuê xe là 1.500.000 đồng/ngày, thời gian thuê là 03 ngày (hai bên lập hợp đồng thuê xe). Để tạo niềm tin, T còn trả trước cho anh H14.500.000 đồng tiền thuê xe.

Sau khi nhận xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe, T tiếp tục đem đến Cửa hàng Hoàng Phúc và gặp một người đàn ông không rõ họ tên, thỏa thuận cầm cố vay 250.000.000 đồng, với lãi suất 2.700 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Người đàn ông này yêu cầu T viết giấy bán chiếc xe ô tô trên với giá 700.000.000 đồng và thu trước tiền lãi vay của 30 ngày là 20.250.000 đồng, còn đưa cho T 229.750.000 đồng. Sau đó, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Đến thời hạn trả xe, anh H1 nhiều lần gọi điện cho T, nhưng T cũng viện ra nhiều lý do, trốn tránh không giao trả xe. Khi biết T thuê xe ô tô của mình đem đi cầm cố, ngày 24/5/2022 anh H1 đã đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tố giác hành vi vi phạm của T.

- Lần thứ ba: Sáng ngày 15/5/2022, T tiếp tục truy cập vào “Hội lái xe tỉnh Tuyên Quang” trên mạng xã hội Facebook và thấy có chị Bùi Thị H2 (trú tại tổ 13, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang) đăng tin cho thuê xe ô tô tự lái. T đã liên hệ và trực tiếp đến gặp chị H2 nói dối là cần thuê một chiếc xe ô tô tự lái đi giải quyết công việc, chị H2 đồng ý cho T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu MG ZS 1.5L, biển kiểm soát 22A - 164.00 và thỏa thuận giá thuê xe là 1.000.000 đồng/ngày, thời gian thuê xe là 03 ngày (hai bên lập hợp đồng thuê xe). Để tạo niềm tin, T đã trả trước cho chị H2 3.000.000 đồng tiền thuê xe.

Sau khi nhận xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe, T đem đến Cửa hàng Hoàng Phúc, gặp một người đàn ông không rõ họ tên và thỏa thuận cầm cố vay 100.000.000 đồng, với lãi suất 2.700 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T phải viết giấy bán chiếc xe ô tô trên với giá 550.000.000 đồng và trả trước tiền lãi vay của 30 ngày là 8.100.000 đồng cho người đàn ông trên; số tiền thực tế T còn nhận được là 91.900.000 đồng. Sau đó, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền này. Đến thời hạn trả xe, chị H2 đã nhiều lần gọi điện cho T, nhưng T viện ra nhiều lý do, trốn tránh không giao trả xe. Khi biết T chiếm đoạt xe ô tô của mình, ngày 20/5/2022 chị H2 đã đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tố giác hành vi vi phạm của T.

- Lần thứ tư: Ngày 17/5/2022, tìm hiểu trên mạng xã hội và biết được anh Hoàng Ngọc M (trú tại tổ 12, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang) cho thuê xe ô tô tự lái. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T đã trực tiếp đến gặp anh Mạnh nói dối là cần thuê một chiếc xe ô tô tự lái để đưa bạn đi chơi ở tỉnh Thái Nguyên; anh Mạnh đồng ý cho T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI XPANDER, biển kiểm soát 22A - 135.00, thỏa thuận giá thuê xe là 1.500.000 đồng/ngày, thời gian thuê xe là 03 ngày (hai bên lập hợp đồng thuê xe). Anh Mạnh đã giao xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe cho T.

Đến sáng ngày 18/5/2022, T tiếp tục mang chiếc xe ô tô trên cùng toàn bộ giấy tờ xe đến Cửa hàng Hoàng Phúc, gặp một người đàn ông không rõ họ tên và thỏa thuận cầm cố vay 150.000.000 đồng, với lãi suất 2.700 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T phải viết giấy bán chiếc xe ô tô trên với giá 600.000.000 đồng và trả trước tiền lãi vay của 30 ngày là 12.150.000 đồng; số tiền thực tế T còn nhận được là 137.850.000 đồng. Sau đó, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Hết thời hạn thuê xe ô tô, Mạnh gọi điện cho T nhiều lần, nhưng T trốn tránh không giao trả xe. Khi biết T chiếm đoạt xe ô tô của mình, ngày 24/5/2022 anh Mạnh đã đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tố giác hành vi vi phạm của T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06 ngày 15/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu MG, loại ZS1.5L, biển kiểm soát 22A - 164.00, sản xuất năm 2022 có giá trị 560.000.000 đồng; xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER, biển kiểm soát 22A - 135.00, sản xuất năm 2020 có giá trị 572.000.000 đồng; xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại CX8, biển kiểm soát 22A - 159.74, sản xuất năm 2021 có giá trị 921.000.000 đồng; xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS E, biển kiểm soát 22A - 026.82, sản xuất năm 2014 có giá trị 286.000.000 đồng. Tổng 04 chiếc xe ô tô bị chiếm đoạt có giá trị 2.339.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Lương Đức T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Đức T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Đức T từ 15 năm tù đến 16 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 05/7/2022).

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Xét bị cáo không có tài sản, nên không đề nghị phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả và hoàn trả 04 chiếc xe ô tô cho các bị hại, các bị hại không yêu cầu bị cáo Lương Đức T bồi thường về dân sự, do vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã tạm giữ: 01 xe ô tô nhãn hiệu MG, loại ZS 1.5L, biển kiểm soát 22A - 164.00; 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER, biển kiểm soát 22A - 135.00; 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại CX8, biển kiểm soát 22A - 159.74. Ông Lương Văn C là bố đẻ của bị cáo T đã trả tiền vay cho Cửa hàng Hoàng Phúc, lấy lại 03 chiếc xe ô tô trên và giao nộp cho Cơ quan điều tra theo Quyết định tạm giữ tài sản lập ngày 07/6/2022. Ngày 27/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử lý vật chứng số 23/QĐ-CQCSĐT, với hình thức trả lại 03 chiếc xe ô tô bị chiếm đoạt trên cho các chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị H, anh Hoàng Ngọc M, anh Hoàng Minh H; đối với xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS E, biển kiểm soát 22A - 026.82 mà T lừa thuê xe, chiếm đoạt của anh Nguyễn Gia H, quá trình điều tra, ông Lương Văn C cũng đã trả tiền cho Cửa hàng Hoàng Phúc để lấy lại chiếc xe ô tô trên và trả trực tiếp cho anh H(sau đó anh H đã bán chiếc xe ô tô này cho anh Lê Văn Tuyển, trú tại tổ dân phố An Kỳ, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương) nên không đề nghị xử lý.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lương Đức T trình bày luận cứ: Nhất trí với Cáo trạng đã truy tố bị cáo Lương Đức T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội. Về tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ ra rất ân hận, ăn năn hối cải và đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, đã tác động gia đình khắc phục bồi thường hết cho bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; có ông nội là Lương Đăng Bất được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến gì khác, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị hại anh H, anh M khai phù hợp với nội dung vụ án và lời khai tại cơ quan điều tra. Trong quá trình điều tra đã được Cơ quan Công an trả lại tài sản mà bị cáo chiếm đoạt nên không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự; anh H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Lương Đức T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Việc vắng mặt của một số bị hại không ảnh hưởng tới việc giải quyết xét xử vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Lương Đức T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 03/5/2022 đến ngày 17/5/2022, Lương Đức T, sinh năm 1997, trú tại xóm 3, xã T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật để lừa thuê 04 chiếc xe ô tô của 04 người hoạt động dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, sau đó đem đi cầm cố tại Cửa hàng Hoàng Phúc, địa chỉ tổ 10, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên để vay tiền sử dụng chi tiêu cho cá nhân (khi cầm cố 04 chiếc xe ô tô trên T đều viết giấy bán xe cho Cửa hàng Hoàng Phúc). Hết thời hạn thuê xe ô tô, T đã trốn tránh không trả xe cho những người cho thuê xe, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 03/5/2022, T đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS E, biển kiểm soát 22A-026.82, có giá trị 286.000.000 đồng của anh Nguyễn Gia H (trú tại tổ 6, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang).

- Lần thứ hai: Ngày 10/5/2022, T đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại CX8, biển kiểm soát 22A - 159.74, có giá trị 921.000.000 đồng của anh Hoàng Minh H1 (trú tại thôn 7, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn).

- Lần thứ ba: Sáng ngày 15/5/2022, T đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu MG, số loại ZS 1.5L, biển kiểm soát 22A - 164.00, có giá

trị 560.000.000 đồng của chị Bùi Thị H2 (trú tại tổ 13, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang).

- Lần thứ tư: Ngày 17/5/2022, T đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER, biển kiểm soát 22A - 135.00, có giá trị 572.000.000 đồng của anh Hoàng Ngọc M (trú tại tổ 12, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang).

Tổng giá trị 04 chiếc xe ô tô mà Lương Đức T đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại trên là 2.339.000.000 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Lương Đức T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại với số tiền rất lớn để chi tiêu cá nhân. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lương Đức T phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có ông nội là Lương Đăng Bất được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Xét bị cáo không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về luận cứ bào chữa của Luật sư: Trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức án cho phù hợp pháp luật.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả và hoàn trả 04 chiếc xe ô tô cho các bị hại, các bị hại đều không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã tạm giữ 03 xe ô tô; ngày 27/6/2022 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 03 chiếc xe ô tô bị chiếm đoạt trên cho các chủ sở hữu hợp pháp gồm chị Bùi Thị H2, anh Hoàng Ngọc M, anh Hoàng Minh H1 là phù hợp pháp luật.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS E, biển kiểm soát 22A - 026.82 mà bị cáo T lừa thuê xe, chiếm đoạt của anh Nguyễn Gia H, quá trình điều tra, ông Lương Văn C đã trả tiền cho Cửa hàng Hoàng Phúc để lấy lại chiếc xe ô tô trên và trả trực tiếp cho anh H; anh H không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với nội dung bị cáo T khai khi cầm cố 04 chiếc xe ô tô để vay tiền của Cửa hàng Hoàng Phúc, bị cáo đều phải chịu lãi suất vay là 2.700 đồng/1.000.000 đồng/ngày: Quá trình điều tra, ông Hoàng Văn Hùng chủ Cửa hàng Hoàng Phúc (địa chỉ tổ 10, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) khai đã giao Cửa hàng này cho Phạm Văn Hùng (trú tại thôn Mỹ Xá, xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên) đứng ra quản lý; Hoàng Văn Hùng không cho người nào tên là T cầm cố xe ô tô để vay tiền. Sau đó, Cơ quan điều tra đã xác minh nhiều lần, nhưng cả Hoàng Văn Hùng và Phạm Văn Hùng đều không có mặt tại địa phương, không xác định được ở đâu, nên không có căn cứ xem xét. Ngày 27/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã có Công văn số 135, chuyển tài liệu liên quan đến việc Cửa hàng Hoàng Phúc có dấu hiệu cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên để xác minh, làm rõ.

[11] Về án phí: Bị cáo Lương Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lương Đức T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lương Đức T 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 05/7/2022).

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lương Đức T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 11/5/2023, những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Văn Chương